

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Hạc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Công	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Thành viên
Ông Phạm Minh Huân	Thành viên
Bà Đào Thị Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hạc	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 1/3/2010
Ông Nguyễn Tất Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2010
Ông Trần Thiện Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2010

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Số: /2011/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập ngày 10 tháng 03 năm 2010, trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế do chưa thống nhất trong xử lý kế toán:

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu quá hạn với số dự phòng ước tính cần trích lập là: 2.713.811.929 đồng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất vì hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.897.395.860	87.891.816.699
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.539.810.046	41.037.547.842
Tiền	111		5.539.810.046	41.037.547.842
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.186.557.839	32.846.191.770
Phải thu khách hàng	131		12.953.495.480	28.302.206.040
Trả trước cho người bán	132		5.149.407.563	4.021.706.650
Phải thu nội bộ	133		772.462.594	550.624.173
Các khoản phải thu khác	135	5	4.127.923.830	136.372.965
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(816.731.628)	(164.718.058)
Hàng tồn kho	140		21.242.459.565	11.003.675.361
Hàng tồn kho	141	6	21.242.459.565	11.003.675.361
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.928.568.410	3.004.401.726
Thuế GTGT được khấu trừ	152		502.056.649	615.308.079
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.787.692	10.124.201
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.403.724.069	2.378.969.446
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.108.857.010	44.576.456.642
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		17.640.045.260	13.869.278.665
Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.837.689.540	8.211.850.145
- Nguyên giá	222		24.734.189.300	20.732.234.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.896.499.760)	(12.520.384.373)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	9	5.466.043.639	5.518.811.603
- Nguyên giá	228		5.856.699.655	5.856.699.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(390.656.016)	(337.888.052)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.336.312.081	138.616.917
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		784.611.750	852.577.977
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	784.611.750	852.577.977
Lợi thế thương mại	269	12	26.684.200.000	29.854.600.000
TỔNG TÀI SẢN	270		97.006.252.870	132.468.273.341

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		78.406.534.139	111.520.792.983
Nợ ngắn hạn	310		77.199.162.094	110.840.682.479
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	17.827.539.829	15.000.000.000
Phải trả người bán	312		9.598.756.497	5.103.703.872
Người mua trả tiền trước	313		30.737.185.796	68.445.893.702
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.026.144.393	1.757.990.113
Phải trả người lao động	315		-	3.985.207.249
Phải trả nội bộ	317		780.940.385	347.340.385
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	15.643.129.902	15.795.271.228
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		585.465.292	405.275.930
Nợ dài hạn	330		1.207.372.045	680.110.504
Vay và nợ dài hạn	334	16	192.560.000	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		911.175.682	680.110.504
Doanh thu chưa thực hiện	338		103.636.363	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.521.801.811	20.868.748.410
Vốn chủ sở hữu	410	17	18.119.482.972	20.472.826.844
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.200.000.000	17.200.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.828.256.733)	(2.377.767.342)
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.992.984.707	3.630.790.019
Quỹ dự phòng tài chính	418		545.596.120	364.498.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		209.158.878	1.655.305.391
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		402.318.839	395.921.566
Nguồn kinh phí	432	18	402.318.839	395.921.566
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		77.916.920	78.731.948
TỔNG NGUỒN VỐN	440		97.006.252.870	132.468.273.341

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	31/12/2010	01/01/2010
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		1.132.736.557	408.246.550
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		209,16	465,03
- EURO		2,5800	21.508,68
- YEN		22,647	22,647

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	86.750.949.467	69.323.312.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.750.949.467	69.323.312.069
Giá vốn hàng bán	11	20	60.761.143.719	48.711.800.356
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.989.805.748	20.611.511.713
	21	21	484.265.967	322.538.506
Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	1.684.031.281	1.175.576.116
Chi phí tài chính	23		238.761.631	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	25		21.808.133.708	16.916.609.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		2.981.906.726	2.841.864.656
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31		108.554.545	23.775.737
Thu nhập khác	32		140.206.202	4.287.427
Chi phí khác	40		(31.651.657)	19.488.310
Lợi nhuận khác	50		2.950.255.069	2.861.352.966
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51	23	775.269.728	603.657.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành	52		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60		2.174.985.341	2.257.695.152
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		(815.028)	(1.268.052)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		2.175.800.369	2.258.963.204
Lợi ích của cổ đông Công ty	70	25	1.265	1.313
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		72.051.282.232	120.890.711.675
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(39.320.457.980)	(24.504.186.288)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(42.455.085.858)	(32.729.094.164)
Tiền chi trả lãi vay	4		(238.761.631)	-
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(755.888.562)	(740.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		16.567.246.187	42.116.582.671
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(38.214.993.822)	(27.487.317.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.366.659.434)	77.546.696.578
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.453.320.574)	(5.428.175.804)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		82.128.826	23.302.637
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(18.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	18.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(39.174.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.550.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		484.265.967	316.877.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.886.925.781)	(42.711.995.661)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13.050.099.859	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.030.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.264.252.440)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		755.847.419	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(35.497.737.796)	34.834.700.917
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	41.037.547.842	6.196.279.467
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			6.567.458
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	5.539.810.046	41.037.547.842

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 8 năm 2005 và Quyết định 4382/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010328 ngày 16 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 11 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính tại 371 Phố Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31/12/2010 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 380 người.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: cầu, hầm, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;
- Thẩm tra các báo cáo đầu tư và dự án đầu tư, thiết kế và dự toán công trình;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Giám sát thi công xây dựng đối với công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV, lĩnh vực: lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng - hoàn thiện;
- Thiết kế mạng thông tin, bưu chính viễn thông công trình xây dựng;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật mới;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê máy móc thiết bị;

Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

TT	Đơn vị	Địa chỉ
A	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	
1	XN Tư vấn đầu tư và xây dựng Thông tin tin hiệu	371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
2	XN Tư vấn đầu tư và xây dựng cầu hầm	371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
3	XN Tư vấn đầu tư và xây dựng cơ khí công trình	371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
4	XN Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông	371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
5	XN Tư vấn đầu tư và xây dựng khảo sát công trình	371 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
6	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tư vấn và Xây dựng giao thông Vận tải (TP Hà Nội)	54/2/10 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
B	Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết được hợp nhất trên Báo cáo tài chính Hợp nhất	

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Tại ngày 31/12/2010	
			Tỷ lệ % vốn góp cam kết	Tỷ lệ % sở hữu vốn thực góp
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp	Lô CC3 Khu đô thị mới Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	99	99

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỉ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ hai năm trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại lô CC3 Mỹ Đình diện tích 2.000 m² nằm trong lô CC3 có tổng diện tích 8.563m² (nằm trong diện tích 246.303 m² tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo quyết định giao đất số 72/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2002 của UBND TP Hà Nội). Chưa có hợp đồng thuê đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã có hợp đồng chuyển giao hạ tầng giữa đơn vị chủ đầu tư hạ tầng (Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị) và đơn vị chủ đầu tư thứ phát (Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và Thương mại Tổng hợp); do đó Công ty chưa thực hiện trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
- Phần mềm thiết kế	05

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư là đầu tư vào Công ty con mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị của các loại công cụ dụng cụ xuất dùng. Các khoản chi phí này được phân bổ 50% khi xuất dùng, 50% năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác:

Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung các điều khoản của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Giá vốn:

Chi phí giá vốn của Công ty được xác định bằng chi phí dở dang đầu kỳ cộng chi phí phát sinh thực tế trong kỳ trừ đi giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ tại thời điểm cuối năm tài chính được Công ty xác định là các chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương và các khoản chi phí phân bổ) của các công trình đang thực hiện chưa kết thúc và chắc chắn sẽ được nghiệm thu và thanh toán trong tương lai.

3.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.12 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Dịch vụ khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch chịu thuế suất 10%

Sản phẩm chế thử, sản phẩm nghiên cứu, đề tài khoa học công nghệ chịu thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%. Tuy nhiên, do Công ty là doanh nghiệp mới thành lập nên được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được giảm thuế TNDN 50%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	70.396.000	596.645.100
Tiền gửi ngân hàng	5.469.414.046	40.440.902.742
	<u>5.539.810.046</u>	<u>41.037.547.842</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	42.500.000	42.500.000
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	266.223.550	79.437.321
Tiền lương chi quá (*)	3.819.200.280	-
Phải thu khác	-	14.435.644
	<u>4.127.923.830</u>	<u>136.372.965</u>

(*) Là phần lương chi thực tế theo hợp đồng lao động và các hợp đồng giao khoán vượt so với đơn giá tiền lương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.683.400	28.822.179
Công cụ, dụng cụ	23.587.958	30.710.032
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.188.188.207	10.944.143.150
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	<u>21.242.459.565</u>	<u>11.003.675.361</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.403.724.069	2.378.969.446
	<u>2.403.724.069</u>	<u>2.378.969.446</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2010	7.106.272.670	7.974.736.803	5.651.225.045	20.732.234.518
- Mua trong năm	-	1.492.006.111	-	1.492.006.111
- Đầu tư XD CB hoàn thành	2.984.297.835	-	-	2.984.297.835
- Thanh lý, nhượng bán	-	(254.779.800)	-	(254.779.800)
- Giảm khác	-	(219.569.364)	-	(219.569.364)
31/12/2010	<u>10.090.570.505</u>	<u>8.992.393.750</u>	<u>5.651.225.045</u>	<u>24.734.189.300</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2010	(4.976.174.489)	(4.562.888.832)	(2.981.321.052)	(12.520.384.373)
- Khấu hao trong năm	(204.829.826)	(1.107.813.801)	(473.289.563)	(1.785.933.190)
- Thanh lý, nhượng bán	-	400.437.812	-	400.437.812
- Giảm khác	-	9.379.991	-	9.379.991
31/12/2010	<u>(5.181.004.315)</u>	<u>(5.260.884.830)</u>	<u>(3.454.610.615)</u>	<u>(13.896.499.760)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2010	<u>2.130.098.181</u>	<u>3.411.847.971</u>	<u>2.669.903.993</u>	<u>8.211.850.145</u>
31/12/2010	<u>4.909.566.190</u>	<u>3.731.508.920</u>	<u>2.196.614.430</u>	<u>10.837.689.540</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.978.716.322 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm thiết kế, nguyên giá là 402.154.200 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2010 là: 11.498.184 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 390.656.016 đồng.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, nguyên giá là 5.454.545.455 đồng. Đây là lô đất công cộng 3 Khu đô thị mới Mỹ Đình II với diện tích 2.000 m2 nằm trong lô CC3 có tổng diện tích 8.563m2 (nằm trong diện tích 246.303 m2 tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo quyết định giao đất số 72/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2002 của UBND TP Hà Nội); chưa có hợp đồng thuê đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã có hợp đồng chuyển giao hạ tầng giữa đơn vị chủ đầu tư hạ tầng (Tổng công ty Đầu tư Phát triển Hà Nội và Đô thị) và đơn vị chủ đầu tư thứ phát (Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và Thương mại Tổng hợp); do đó Công ty chưa thực hiện trích khấu hao.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Toà nhà 5 tầng	1.127.607.717	-
Toà nhà TRICC	208.704.364	138.616.917
	<u>1.336.312.081</u>	<u>138.616.917</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí CCDC và vật tư xuất dùng	784.611.750	852.577.977
	<u>784.611.750</u>	<u>852.577.977</u>

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi thế thương mại	26.684.200.000	29.854.600.000
	<u>26.684.200.000</u>	<u>29.854.600.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.827.539.829	15.000.000.000
Trong đó:		
- Vay NHTMCP Công Thương Đồng Đa	6.597.539.829	-
- Vay cá nhân (**)	6.050.000.000	-
- Vay tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (*)	5.000.000.000	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	180.000.000	-
	<u>17.827.539.829</u>	<u>15.000.000.000</u>

(*) Khoản vay Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam lãi suất 0%/tháng

(**) Khoản vay cá nhân lãi suất 1,2%/tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	1.863.377.972	1.642.163.718
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	82.336.531	57.066.803
Thuế thu nhập cá nhân	80.429.890	58.759.592
	<u>2.026.144.393</u>	<u>1.757.990.113</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	62.260.026	62.832.037
Kinh phí công đoàn	190.983.559	447.807.210
Phải trả về cổ phần hoá	-	779.224.670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.389.886.317	14.505.407.311
+ Phải trả Nhà thầu Nhật Bản (*)	10.103.873.325	10.744.273.800
+ Phải trả nhà thầu trong nước	5.076.639.644	3.192.643.311
+ Phải trả khác	209.373.348	568.490.200
	<u>15.643.129.902</u>	<u>15.795.271.228</u>

(*) Trong đó, chi tiết số dư phải trả Nhà thầu Nhật Bản tham gia vào liên doanh nhà thầu thực hiện dự án Đường sắt cao tốc Bắc Nam như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty JTC	4.661.816.250	4.957.290.000
Công ty JARTS	4.006.142.175	4.260.058.200
Công ty NK	1.435.914.900	1.526.925.600
	<u>10.103.873.325</u>	<u>10.744.273.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư khoản vay dài hạn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01-2010/HĐTDTH ngày 08/11/2010 giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đống Đa và Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Giao thông vận tải; thời hạn vay là 27 tháng, gốc vay là 402.560.000 đồng, số dư tiền vay tại ngày 31/12/2010 là: 192.560.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
01/01/2009	17.200.000.000	-	2.759.817.969	229.019.325	1.365.363.150	21.554.200.444
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	2.258.963.204	2.258.963.204
- Thuế TNDN được miễn giảm năm 2009	-	-	603.657.813	-	-	603.657.813
- Trích lập quỹ năm 2008	-	-	270.958.902	135.479.451	(645.589.023)	(239.150.670)
- Giảm khác	-	(2.377.767.342)	(3.644.665)	-	(1.323.431.940)	(3.704.843.947)
31/12/2009	<u>17.200.000.000</u>	<u>(2.377.767.342)</u>	<u>3.630.790.019</u>	<u>364.498.776</u>	<u>1.655.305.391</u>	<u>20.472.826.844</u>
01/01/2010	17.200.000.000	(2.377.767.342)	3.630.790.019	364.498.776	1.655.305.391	20.472.826.844
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	2.175.800.369	2.175.800.369
- Trích lập quỹ năm 2009	-	-	362.194.688	181.097.344	(543.292.032)	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(2.270.400.000)	(2.270.400.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(808.254.850)	(808.254.850)
Giảm khác	-	(1.450.489.391)	-	-	-	(1.450.489.391)
31/12/2010	<u>17.200.000.000</u>	<u>(3.828.256.733)</u>	<u>3.992.984.707</u>	<u>545.596.120</u>	<u>209.158.878</u>	<u>18.119.482.972</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	8.428.000.000	8.428.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	8.772.000.000	8.772.000.000
	<u>17.200.000.000</u>	<u>17.200.000.000</u>

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.200.000.000	17.200.000.000
+ Vốn góp đầu năm	17.200.000.000	17.200.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	17.200.000.000	17.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.270.400.000	-

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.720.000	1.720.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.720.000	1.720.000
+ Cổ phiếu thường	1.720.000	1.720.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.720.000	1.720.000
+ Cổ phiếu thường	1.720.000	1.720.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.992.984.707	3.630.790.019
Quỹ dự phòng tài chính	545.596.120	364.498.776
	<u>4.538.580.827</u>	<u>3.995.288.795</u>

Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn cho hoạt động công ích, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- Bù đắp các khoản lỗ của Công ty.

18. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	736.000.000	2.502.000.000
Chi sự nghiệp	333.681.161	2.106.078.434
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>402.318.839</u>	<u>395.921.566</u>

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.750.949.467	69.323.312.069
	<u>86.750.949.467</u>	<u>69.323.312.069</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	60.761.143.719	48.711.800.356
	<u>60.761.143.719</u>	<u>48.711.800.356</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	441.630.918	316.877.506
Lãi bán ngoại tệ	42.635.049	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.661.000
	<u>484.265.967</u>	<u>322.538.506</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	238.761.631	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.445.269.650	1.175.576.116
	<u>1.684.031.281</u>	<u>1.175.576.116</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>2.950.255.069</u>	<u>2.861.352.966</u>
Chi phí không tính thuế do hợp nhất	3.170.400.000	1.849.400.000
Thu nhập không tính thuế	81.502.752	118.509.543
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.202.157.821	4.829.262.509
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.550.539.455	1.207.315.627
Miễn giảm thuế 50%	775.269.727	603.657.813
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>775.269.728</u>	<u>603.657.814</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.274.163.786	7.967.187.808
Chi phí nhân công	35.014.286.691	29.889.538.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.838.701.154	1.297.494.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.725.663.302	12.948.416.786
Chi phí khác bằng tiền	19.369.414.585	15.057.840.175
	<u>90.222.229.518</u>	<u>67.160.478.332</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.175.800.369	2.258.963.204
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	1.720.000	1.720.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.265	1.313

25.2 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.175.800.369	2.258.963.204
	<u>2.175.800.369</u>	<u>2.258.963.204</u>

25.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	1.720.000	1.720.000
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	1.720.000	1.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và Thương mại tổng hợp.

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu với các bên liên quan	33.783.596.558	18.622.011.140
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	33.783.596.558	18.622.011.140
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	32.951.596.558	18.016.011.140
- Cung cấp đề tài NCKH	832.000.000	606.000.000
Mua hàng từ các bên liên quan	579.307.034	-
- Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và thương mại tổng hợp	579.307.034	-

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu	6.408.380.978	9.889.533.590
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	5.999.729.778	9.622.906.620
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và thương mại tổng hợp	408.651.200	266.626.970
Các khoản phải trả	4.964.000.000	27.193.400.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	4.964.000.000	27.193.400.000
Các khoản vay	5.000.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	5.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng